

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 29-4-2022  
V/v “*Tranh chấp hôn nhân và  
gia đình: Ly hôn*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mỹ Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ngô Thanh Ngọc Cảnh
2. Bà Nguyễn Thị H Nhung

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lâm Trí Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lam Em – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình: Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp PH, thị trấn PH, huyện ThS, tỉnh An Giang

- Bị đơn: Ông Phạm Văn H1, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp PH, thị trấn PH, huyện ThS, tỉnh An Giang

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết H; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Bà và ông H1 do mai mối và sau đó tự nguyện chung sống từ năm 1990 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, gần đây thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nên vợ chồng thường xuyên

gây gổ. Cách đây khoảng 03 năm thì ông H1 bỏ đi, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian bỏ đi ông H1 không liên lạc về, không có ý định hàn gắn tình cảm. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu ly hôn với ông H1.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống bà và ông H1 có hai con chung tên Phạm Thị Tuyết H2, sinh năm 1991 và Phạm Công H3, sinh năm 2001. Các con đều đã trưởng thành nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức các phiên hòa giải để bà H và ông H1 thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông H1 nhưng ông H1 đều vắng mặt không lý do nên việc hòa giải không tiến hành được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho ông H1 nhưng ông H1 tiếp tục vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

Tại phiên tòa:

- Bà Nguyễn Thị Tuyết H giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn H1.

Về phía bị đơn là ông Phạm Văn H1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông H1 vẫn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Ông H1 vắng mặt lần thứ hai không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà Nguyễn Thị Tuyết H và ông Phạm Văn H1 là vợ chồng. Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét. Bà Nguyễn Thị Tuyết H phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Tuyết H và ông Phạm Văn H1 chung sống với nhau từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn. Ông Phạm Văn H1 có hộ khẩu thường trú tại ấp PH, thị trấn PH, huyện ThS, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn là ông Phạm Văn H1 nhưng ông H1 vắng mặt

không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*[3] Xét việc tranh chấp:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông H1 tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1990 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống cả hai phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nên thường xuyên cự cãi, mặc dù đã tìm biện pháp hàn gắn nhưng không thành, bà H và ông H1 đã không còn chung sống với nhau cách đây ba năm. Trong thời gian xa cách, cả hai cũng không có biện pháp hiệu quả gì để hàn gắn tình cảm, không thường xuyên liên lạc với nhau và không còn quan tâm đến nhau nữa. Do nhận thấy không còn tình cảm nên bà H yêu cầu ly hôn với ông H1.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các phiên hòa giải để bà H và ông H1 thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng ông H1 đều vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình, cho thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông H1 đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Tuy nhiên, mặc dù bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông H1, nhưng thấy rằng bà H và ông H1 chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cụ thể:

*“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.*

*Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.”*

Và khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

*“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.”*

Do đó, hôn nhân giữa bà H và ông H1 không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nên bà H yêu cầu ly hôn với ông H1 không được chấp nhận mà cần không công nhận bà H và ông H1 là vợ chồng.

*[4] Về con chung:* Bà H trình bày có hai con chung tên Phạm Thị Tuyết H2, sinh năm 1991 và Phạm Công H3, sinh năm 2001. Các con đều đã trưởng thành nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*[5] Về tài sản chung và nợ chung:* Bà H trình bày không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông H1 vắng mặt và cũng không có văn bản nêu ý kiến và yêu cầu nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

*[6] Về án phí:* Bà Nguyễn Thị Tuyết H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ông Phạm Văn H1 không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ các Điều 9, 14, 15, 51, 53, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;*

*Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;*

*Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.*

**Xử:**

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận bà Nguyễn Thị Tuyết H và ông Phạm Văn H1 là vợ chồng.

2. *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị Tuyết H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008814 ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, bà H không phải nộp thêm. Ông Phạm Văn H1 không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

- *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện Thoại Sơn (1);
- THADS huyện Thoại Sơn (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Mỹ Linh**